

## TUẦN 35

### ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2 (10 tiết)

#### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng); đọc rõ ràng câu chuyện, bài thơ; biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. Tốc độ đọc khoảng 65 – 70 tiếng trong 1 phút. Hiểu nội dung bài đọc; nhận biết các sự việc chính trong bài đọc, nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời nói,...
2. Viết đúng bài chính tả khoảng 50 – 55 chữ theo hình thức nghe – viết, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút; viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm/ vần dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Viết được đoạn văn khoảng 4 – 5 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc khi sắp kết thúc năm học, kể lại một hoạt động ở trường hoặc ở lớp.
3. Biết nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên VB, chi tiết, nhân vật hoặc đoạn văn, đoạn thơ yêu thích); biết nói và đáp lời an ủi, động viên phù hợp với tình huống giao tiếp.
4. Tìm được các từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động quen thuộc; biết sử dụng các từ ngữ để đặt câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động; biết sử dụng *dấu chấm*, và *dấu phẩy* (tách các bộ phận cùng loại) trong các câu có nội dung đơn giản.

#### II CHUẨN BỊ

- Các tờ giấy ghi danh sách các bài đọc cần luyện đọc lại, các tờ thăm ghi số thứ tự tương ứng với số thứ tự trong danh sách bài đọc.
- Có thể chuẩn bị các phiếu học tập để HS không làm bài vào SHS (VD: BT chính tả, BT luyện từ và câu...).
- Phiếu bài đọc hiểu và bài viết đoạn ở tiết 9 – 10 để các em làm quen với bài kiểm tra cuối kì 2.

#### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### PHẦN I – ÔN TẬP

#### TIẾT 1 – 2

##### 1. Luyện đọc các bài đã học.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc theo nhóm:
- + Từng em bắt thăm và đọc bài. Đọc xong, nghe bạn trong nhóm đọc câu hỏi ở cuối bài đọc để trả lời.

- + Cả nhóm nhận xét và góp ý.
- GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.

## 2. Trao đổi về các bài đọc.

- GV hướng dẫn chung cả lớp sau khi tất cả đã đọc bài mình gấp thăm được:
- + Làm việc nhóm: Trao đổi về bài đọc (nêu tên bài đọc, chi tiết, nhân vật hoặc đoạn văn, đoạn thơ yêu thích nhất).
- (Gợi ý: GV có thể viết lên bảng lớp/ chiếu trên màn hình các câu hỏi như sau:
  - Bạn thích bài đọc nào nhất? Vì sao?
  - Bạn nhớ nhất hoặc thích nhất chi tiết hoặc nhân vật nào trong bài đọc? (Hoặc: Bạn thích đoạn thơ hoặc đoạn văn nào nhất trong bài đọc)
- + Các nhóm hỏi – đáp theo câu hỏi GV đã chuẩn bị.
- GV nhận xét giờ học.

## TIẾT 3 – 4

## 3. Đọc bài thơ, trả lời câu hỏi và thực hiện theo yêu cầu.

- GV nêu yêu cầu của mục a, b, hướng dẫn chung cả lớp:
- + Quan sát tranh, nói tên các nhân vật được vẽ trong tranh.
- + Đọc bài thơ, tự trả lời câu hỏi a, b.
- + 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp, GV và HS thống nhất câu trả lời cho câu hỏi a, b. (VD: a. Thỏ nâu nghỉ học vì bạn ấy bị ốm.; b. Các bạn bàn nhau đi thăm thỏ nâu./ Các bạn bàn nhau mua quà đi thăm thỏ nâu.)
- GV nêu yêu cầu của mục c và hướng dẫn HS thực hành nói theo nhóm.
- Nhóm trưởng hướng dẫn các bạn như sau:
  - + Từng bạn đóng vai một trong số các bạn đến thăm thỏ nâu, nói 2 – 3 câu thể hiện sự quan tâm, mong muốn của mình và các bạn trong lớp đối với thỏ nâu.
  - + Mỗi bạn nên có cách nói khác nhau.
  - + Khen những bạn có cách nói hay, tình cảm.
- GV nêu yêu cầu d *Tưởng tượng em là bạn cùng lớp với thỏ nâu. Vì có việc bận, em không đến thăm thỏ nâu được. Hãy viết lời an ủi, động viên thỏ nâu và nhờ các bạn chuyển giúp.*
- + HS làm việc cá nhân: Viết lời an ủi, động viên thỏ nâu (có thể viết vào giấy nháp, vào vở hoặc vào tấm thiệp tự làm).
- + HS làm việc nhóm: đóng vai nói lời đề nghị các bạn (gấu, mèo, hươu, nai) chuyển tấm thiệp đến thỏ nâu.
- GV nhận xét các đoạn viết của một số HS.

#### 4. Quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động.

- GV yêu cầu HS đọc thầm yêu cầu của BT.
  - GV hướng dẫn HS làm bài trước lớp:
  - + Quan sát tranh, tìm từ ngữ theo yêu cầu (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ đặc điểm, từ ngữ chỉ hoạt động).
  - + GV kẻ trên bảng lớp như dưới đây và mời HS tìm từ ngữ, GV ghi vào bảng:
- VD:

Từ ngữ chỉ sự vật	trẻ em, ông cụ,...
Từ ngữ chỉ đặc điểm	tươi vui, chăm chú,...
Từ ngữ chỉ hoạt động	chạy nhảy, đọc báo,...

- HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (viết từ ngữ tìm được vào bảng nhóm hoặc phiếu học tập, nếu có).

VD:

Từ ngữ chỉ sự vật	trẻ em, ông cụ, người mẹ, ong, bướm, chim, cây, vườn hoa, thùng rác,...
Từ ngữ chỉ đặc điểm	tươi vui, vui vẻ, rục rờ, đỏ thắm, xanh ròn, đông vui, chăm chỉ,...
Từ ngữ chỉ hoạt động	chạy nhảy, chạy bộ, tập thể dục, đá bóng, đọc báo, trò chuyện, bay,...

- GV khen ngợi, động viên các em có nhiều cố gắng.

#### 5. Đặt câu

- GV mời 3 HS đọc yêu cầu của BT (mỗi HS đọc một yêu cầu và mẫu).
- GV có thể mời 1 - 2 HS đặt câu theo mẫu trong SHS. GV và cả lớp nhận xét.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp: dựa vào mẫu để đặt câu theo yêu cầu.
- GV tổ chức cho HS đọc các câu đã đặt theo nhóm hoặc trước lớp.

VD:

a. *Câu giới thiệu:* Đây **là** công viên. (GV giúp HS nhận biết câu giới thiệu thường có từ **là**. VD: - Công viên **là** nơi vui chơi của mọi người.

- Ghế ngồi ở công viên **là** ghế đá.

b. *Câu nêu đặc điểm:* Công viên hôm nay **đông vui**. (GV giúp HS nhận biết câu nêu đặc điểm có từ ngữ chỉ đặc điểm)

VD: - Các bạn nhỏ **rất vui vẻ**.

- Vườn hoa **rục rờ**.
- Thảm cỏ **xanh ròn**.



c. *Câu nêu hoạt động*: Mọi người **đi dạo** trong công viên. (GV giúp HS nhận biết câu nêu hoạt động có từ ngữ chỉ hoạt động)

VD: – Ông cụ **đọc báo**.

– Ba bạn nam **đá bóng**.

– Hai mẹ con **chạy bộ**.

– Nhóm/ cả lớp và GV nhận xét đúng/ sai.

## TIẾT 5 – 6

### 6. Tìm lời giải các câu đố về loài chim.

– GV giới thiệu 3 bức ảnh trong SHS hoặc sử dụng thêm tranh/ hình ảnh minh họa chim cuốc, chim gõ kiến, chim bói cá. GV nói thêm đặc điểm của 3 loài chim này cho HS có thêm hiểu biết.

– HS đọc các câu đố và nêu tên loài chim được nói đến trong mỗi câu đố.

– Cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án. (chim gõ kiến, chim cuốc, chim bói cá)

### 7. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của một loài vật em yêu thích.

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ Quan sát kĩ bức ảnh chim chích bông, tìm từ ngữ chỉ đặc điểm bên ngoài của chích bông: màu lông, hình dạng,...

+ HS trình bày ý kiến cá nhân: nêu thêm những đặc điểm của chích bông dựa bức ảnh và hiểu biết thực tế của các em (tiếng hót, dáng bay,...). VD: xinh xắn, nhỏ nhắn, đáng yêu, nhanh nhẹn,...

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:

+ Đọc tên các loài vật dưới mỗi bức ảnh, chọn một loài vật mình yêu thích.

+ Dựa vào ảnh và hiểu biết của bản thân về loài vật em chọn, tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật đó.

+ Viết từ ngữ tìm được vào vở hoặc phiếu học tập.

– Một số (3 – 4) HS phát biểu ý kiến. GV khen ngợi, động viên các em có nhiều cố gắng.

### 8. Hỏi – đáp về đặc điểm của một số loài vật.

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ 2 HS đọc lời hỏi – đáp về loài gấu trong SHS.

+ GV đưa thêm câu hỏi để HS trả lời hoặc GV đưa cả câu trả lời nếu HS không trả lời được.

VD: Hỏi: – Vì sao gấu hay đi kiếm mật ong?

Đáp: – Vì gấu rất thích ăn mật ong.

- GV hướng dẫn HS hỏi - đáp theo cặp về một loài vật, sau đó đổi vai hỏi - đáp về loài vật khác.
- GV mời một số HS lên bảng hỏi - đáp cùng nhau. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. Nếu câu hỏi nào các em không tự trả lời được sẽ chuyển câu hỏi cho nhóm khác hoặc nhờ GV giải đáp.

### 9. Chọn dấu chấm hoặc dấu phẩy thay cho ô vuông.

- GV hướng dẫn chung cả lớp: HS làm việc cá nhân, đọc kĩ đoạn văn, lựa chọn *dấu chấm* hoặc *dấu phẩy* ở mỗi ô vuông. Giải thích được vì sao chọn dấu câu đó cho mỗi ô vuông.
- GV tổ chức cho HS chữa bài: một HS lên bảng đặt dấu câu thích hợp vào ô trống trên bảng lớp hoặc vào phiếu khổ lớn GV đã chuẩn bị.
- + Tìm vị trí đặt *dấu chấm*: HS có thể tìm xem chữ nào trong đoạn văn được viết hoa thì đặt *dấu chấm* trước chữ đó.
- + Tìm vị trí đặt *dấu phẩy*: HS tìm các từ ngữ cùng loại đứng cạnh nhau (buôn xa bán gân; tiếng chiêng tiếng trống tiếng khèn).

Đáp án:

*Vào ngày hội, đồng bào các buôn xa, bán gân nườm nượp kéo về buôn Đôn. Tất cả đều đổ về trường đua voi.*

*Khi lệnh xuất phát vang lên, voi cuốn vòi chạy trong tiếng reo hò của người xem cùng tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng khèn vang dậy.*

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG  
**TIẾT 7 - 8**

### 10. Nghe - viết: Tiếng gà mở cửa.

- GV nêu yêu cầu nghe - viết.
- GV đọc lại đoạn thơ cho HS nghe và cho HS quan sát đoạn thơ trên bảng hoặc trong SHS để biết:
  - + Cách viết tên bài thơ, cách trình bày đoạn thơ.
  - + Các chữ cần được viết hoa (Tiếng đầu của tên bài thơ và tiếng đầu mỗi dòng thơ).
  - + Các từ ngữ cần nghe đúng, viết đúng: *thổi bùng bếp lửa, lạnh lói,...*
  - + Các dấu chấm than trong câu: *Mở cửa! Mở cửa!*
- GV mời một HS đọc lại đoạn thơ.
- GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở. Khi HS viết xong, GV đọc lại đoạn thơ cho HS tự soát lỗi.
- GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, góp ý.

## 11. Chọn a hoặc b.

BTa và BTb đều thực hiện như sau:

- HS làm việc cá nhân, viết vào vở tiếng đã được hoàn thành theo yêu cầu.
- HS làm việc nhóm: soát bài cho nhau.
- GV chữa bài trước lớp (HS có thể phát biểu, GV ghi vào bảng để dễ so sánh), nhận xét bài làm của HS.
- GV và HS thống nhất đáp án. (Đáp án: a. Hoa cúc lại nở vàng/ Nắng tươi trải trên đường/ Đẹp thay lúc thu sang; b. hỏi - đã - hả - cả - cả)

## 12. Nói, viết về tình cảm, cảm xúc khi năm học sắp kết thúc.

a. Nói

- Làm việc nhóm:

+ Từng em nói lên cảm xúc, suy nghĩ của mình về trường lớp, thầy cô khi năm học sắp kết thúc.

+ Cả nhóm tìm ra điểm giống nhau hoặc khác nhau trong cảm xúc, suy nghĩ của các bạn trong nhóm.

- GV gọi đại diện một số nhóm nói trước lớp.

b. Viết

- HS làm việc cá nhân: viết 4 - 5 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em khi năm học sắp kết thúc theo gợi ý trong SHS.

- HS đọc bài làm của mình trong nhóm, cả nhóm góp ý.

- GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

## PHẦN II - ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

Tuần 35 có 10 tiết, trong đó:

- 8 tiết ôn tập các kiến thức và kỹ năng cơ bản được học trong chương trình lớp 2.
- 2 tiết dành cho kiểm tra cuối năm.

SHS có giới thiệu để tham khảo để HS tập làm hoặc để làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối năm.

GV có thể giới thiệu cấu trúc của đề kiểm tra: gồm Bài kiểm tra đọc (có phần đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi miệng) và Bài kiểm tra viết (có phần đọc hiểu, nghe - viết, BT chính tả và phần viết đoạn văn ngắn). HS tự làm bài kiểm tra hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tùy theo năng lực HS trong lớp.